

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ QUYỂN 16

Chương 6: CĂN UẨN

Phẩm 6: BÀN VỀ NGŨ

*Tất cả ba đời là đều thành tựu,
Không thành tựu là cũng giống như vậy,
Căn thiện-bất thiện... cũng làm nhân,
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Hỏi: Nếu thành tựu nhãn căn thì lúc ấy đối với hai mươi hai căn, có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu là? Cho đến cụ tri căn, câu hỏi cũng như vậy?

Hỏi: Như đã nêu?

Đáp: Nếu thành tựu nhãn căn, thì lúc ấy nhất định thành tựu là năm, còn lại là không nhất định. Nhĩ-tỷ-thiệt căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu thân căn, thì lúc ấy nhất định thành tựu là bốn, còn lại thì không nhất định.

Nếu thành tựu nữ căn, thì lúc ấy nhất định thành tựu là tám, còn lại thì không nhất định. Nam căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu mạng căn, thì lúc ấy nhất định thành tựu là ba, còn lại thì không nhất định. Ý căn-xả căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu lạc căn, thì người trí kia nhất định thành tựu là bốn, còn lại thì không nhất định.

Nếu thành tựu khổ căn, thì lúc ấy nhất định thành tựu là bảy, còn lại thì không nhất định.

Nếu thành tựu hỷ căn, thì lúc ấy nhất định thành tựu là năm, còn lại thì không nhất định.

Nếu thành tựu ưu căn, thì lúc ấy nhất định thành tựu là tám, nhất

định không thành tựu là một, còn lại thì không nhất định.

Nếu thành tựu Tín căn, thì lúc ấy nhất định thành tựu là tám, còn lại thì không nhất định. Tinh tiến, Niệm-Định-Tuệ căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu vị tri, đương tri căn, thì lúc ấy nhất định thành tựu là mười ba, nhất định không thành tựu là hai, còn lại thì không nhất định.

Nếu thành tựu dĩ tri căn, thì lúc ấy nhất định thành tựu là mười một, nhất định không thành tựu là hai, còn lại thì không nhất định.

Nếu thành tựu cụ tri căn, thì lúc ấy nhất định thành tựu là mười một, nhất định không thành tựu là ba, còn lại thì không nhất định.

Hỏi: Nếu thành tựu nhãn căn, thì lúc ấy đối với hai mươi hai căn thuộc ba đời là có bao nhiêu căn thành tựu, bao nhiêu căn không thành tựu là? Cho đến cụ tri căn, câu hỏi cũng như vậy?

Đáp: Nếu thành tựu nhãn căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu là quá khứ-vị lai là tám, nhất định thành tựu là quá khứ-vị lai là hai, hiện tại là ba; các căn còn lại thì không nhất định. Nhĩ-tỷ-thiệt căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu thân căn, lúc ấy nhất định không thành tựu là quá khứ-vị lai là tám; nhất định thành tựu là quá khứ-vị lai là hai, hiện tại là hai, các căn còn lại thì không nhất định.

Nếu thành tựu nữ căn, thì trí giả kia nhất định không thành tựu là quá khứ-vị lai là tám; nhất định thành tựu là quá khứ-vị lai là năm, hiện tại là ba, các căn còn lại thì không nhất định. Nam căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu mạng căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu là quá khứ-vị lai là tám; nhất định thành tựu là quá khứ-vị lai là hai, hiện tại là một, các căn còn lại thì không nhất định. Ý căn-xả căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu lạc căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu là quá khứ-vị lai là tám, nhất định thành tựu là quá khứ-vị lai là hai, vị lai là một, hiện tại là một, còn lại thì không nhất định.

Nếu thành tựu khổ căn, thì trí giả kia nhất định không thành tựu là quá khứ-vị lai là tám, nhất định thành tựu là quá khứ-vị lai là năm, hiện tại là hai, còn lại thì không nhất định.

Nếu thành tựu hỷ căn, thì người trí giả kia nhất định không thành tựu là quá khứ-vị lai là tám, nhất định thành tựu là quá khứ-vị lai là hai, vị lai là hai, hiện tại là một, còn lại thì không nhất định.

Nếu thành tựu ưu căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu là quá khứ-vị lai là tám, ba đời là một; nhất định thành tựu là quá khứ-vị lai là bốn, ba đời là hai, hiện tại là hai, còn lại thì không nhất định.

Nếu thành tựu tín căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu là quá khứ-vị lai là tám, nhất định thành tựu là quá khứ-vị lai là bảy, hiện tại là một, còn lại thì không nhất định. Tinh tiến-Niệm-Định-Tuệ căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu vị tri, đương tri căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu là quá khứ-vị lai là tám, ba đời là hai, hiện tại là hai, nhất định thành tựu là ba đời là bảy, quá khứ-vị lai là ba, hiện tại vị lai một, hiện tại là hai, còn lại thì không nhất định.

Nếu thành tựu dĩ tri căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu là quá khứ-vị lai là tám, ba đời là hai; nhất định thành tựu là quá khứ-vị lai là bảy, vị lai là ba, hiện tại là một, còn lại thì không nhất định.

Nếu thành tựu cụ tri căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu là quá khứ-vị lai là tám, ba đời là ba; nhất định thành tựu là quá khứ-vị lai là bảy, vị lai là ba, hiện tại là một, còn lại thì không nhất định.

Hỏi: Nếu không thành tựu là nhãn căn, thì lúc ấy đối với hai mươi hai căn, có bao nhiêu không thành tựu là, bao nhiêu thành tựu? Cho đến cụ tri căn, câu hỏi cũng như vậy.

Đáp: Nếu không thành tựu là nhãn căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu là một, nhất định thành tựu là ba, còn lại thì không nhất định. Nhĩ-tỷ-thiệt, nữ, nam căn, ba căn vô lậu cũng như vậy.

Hỏi: Nếu không thành tựu là thân căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu là mười, nhất định thành tựu là tám, còn lại thì không nhất định. Mạng, ý, xả căn đều thành tựu.

Nếu không thành tựu là lạc căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu là chín, nhất định thành tựu là tám, còn lại thì không nhất định.

Nếu không thành tựu là khổ căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu là năm, nhất định thành tựu là tám, còn lại thì không nhất định.

Nếu không thành tựu là hỷ căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu là tám, nhất định thành tựu là tám, còn lại thì không nhất định.

Hỏi: Nếu không thành tựu là ưu căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu là một, nhất định thành tựu là tám, còn lại thì không nhất định.

Nếu không thành tựu là tín căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu là tám, nhất định thành tựu là tám, còn lại thì không nhất định. Tinh tiến-Niệm-Định-Tuệ căn cũng như vậy.

Nếu không thành tựu là nhãn căn, thì lúc ấy đối với hai mươi hai căn của ba đời là có bao nhiêu căn không thành tựu là, bao nhiêu căn thành tựu? Cho đến cụ tri căn, câu hỏi cũng như vậy.

Đáp: Nếu không thành tựu là nhân căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu là ba đời là một, quá khứ-vị lai là bảy; nhất định thành tựu là quá khứ-vị lai là hai, hiện tại là một; còn lại thì không nhất định. Nhĩ-tỷ-thiệt, nữ, nam căn cũng như vậy.

Nếu không thành tựu là thân căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu là ba đời là mười, quá khứ-vị lai là một; nhất định thành tựu là quá khứ-vị lai là năm, ba đời là hai, hiện tại là một, các căn còn lại thì không nhất định. Mạng-ý-xả căn đều thành tựu.

Nếu không thành tựu là lạc căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu ba đời là chín, quá khứ-vị lai là sáu, nhất định thành tựu quá khứ-vị lai là bảy, hiện tại là một, còn lại thì không nhất định.

Nếu không thành tựu là khổ căn, thì trí giả kia nhất định không thành tựu là ba đời là năm, quá khứ-vị lai là sáu, nhất định thành tựu là quá khứ-vị lai là bảy, hiện tại là một, còn lại thì không nhất định.

Nếu không thành tựu là hỷ căn, thì trí giả kia nhất định không thành tựu là ba đời là tám, quá khứ-vị lai là sáu, nhất định thành tựu là quá khứ-vị lai là bảy, hiện tại là một, còn lại thì không nhất định.

Nếu không thành tựu là ưu căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu là ba đời là một, quá khứ-vị lai là tám, nhất định thành tựu là quá khứ-vị lai là bảy, hiện tại là một, còn lại thì không nhất định.

Nếu không thành tựu là tín căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu là ba đời là tám, quá khứ-vị lai là tám, nhất định thành tựu là quá khứ-vị lai là bốn, ba đời là hai, hiện tại là hai, còn lại thì không nhất định. Tinh tiến-Niệm-Định-Tuệ căn cũng như vậy.

Nếu không thành tựu là vị tri, đương tri căn, thì lúc ấy nhất định không thành tựu ba đời là một, quá khứ-vị lai là tám, nhất định thành tựu quá khứ-vị lai là hai, hiện tại là một, còn lại thì không nhất định. Dĩ tri căn và cụ tri căn cũng như vậy.

Hỏi: Các căn thiện thì căn ấy làm nhân của căn thiện chăng? Nếu căn là nhân của căn thiện thì căn ấy là thiện chăng?

Đáp: Các căn thiện thì căn đó là nhân của căn thiện. Có căn là nhân của căn thiện thì căn đó không phải là thiện, nghĩa là do căn thiện mà dẫn dắt dị thực sinh ra căn.

Hỏi: Các căn bất thiện thì căn ấy là nhân của căn bất thiện chăng? Nếu căn là nhân của căn bất thiện thì căn ấy là bất thiện chăng?

Đáp: Các căn bất thiện thì căn đó là nhân của căn bất thiện. Có căn là nhân của căn bất thiện thì căn đó không phải là bất thiện, nghĩa là căn bất thiện đã dẫn căn dị thực sinh ra căn, và căn tương ưng với hữu

thân kiến-biện chấp kiến thuộc cõi Dục.

Hỏi: Các căn vô ký thì căn ấy là nhân của căn vô ký chăng? Nếu căn là nhân của căn vô ký thì căn ấy là vô ký chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có căn vô ký thì căn đó không phải là nhân của căn vô ký, nghĩa là căn không có duyên.

2. Có căn là nhân của căn vô ký thì căn đó không phải là vô ký, nghĩa là căn bất thiện.

3. Có căn vô ký thì căn đó cũng là nhân của căn vô ký, nghĩa là căn vô ký có duyên.

4. Có căn không phải vô ký thì căn đó cũng không phải là nhân của căn vô ký, nghĩa là căn thiện.

Hỏi: Có thể có căn không phải là nhân của căn thiện, không phải là nhân của căn bất thiện, không phải là nhân của căn vô ký, mà căn đó không phải là không có nhân chăng?

Đáp: Có, nghĩa là căn không có duyên làm nhân của sắc-tâm bất tương ứng hành.

Phẩm 7: BÀN VỀ NHÂN DUYÊN

*Năm-ba-bốn-tám khác nhau,
Tám-tám-tám cùng với bốn môn,
Biện giải về căn nhân-sở duyên,
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Hỏi: Các căn là nhân quá khứ thì căn ấy là duyên quá khứ chăng?

Đáp: Các căn là nhân quá khứ thì căn ấy hoặc là duyên quá khứ, hoặc duyên vị lai, hoặc duyên hiện tại, hoặc duyên vô vi, hoặc không có sở duyên.

Các căn là nhân quá khứ, duyên quá khứ, nghĩa là căn quá khứ-duyên quá khứ, và căn vị lai-hiện tại có nhân quá khứ-duyên quá khứ.

Nhân quá khứ-duyên vị lai, nghĩa là căn quá khứ-duyên vị lai và căn vị lai-hiện tại có nhân quá khứ-duyên vị lai.

Nhân quá khứ-duyên hiện tại, nghĩa là căn quá khứ-duyên hiện tại và căn vị lai-hiện tại có nhân quá khứ-duyên hiện tại.

Nhân quá khứ-duyên vô vi, nghĩa là căn quá khứ-duyên vô vi và căn vị lai-hiện tại, có nhân quá khứ-duyên vô vi.

Nhân quá khứ, không có sở duyên, nghĩa là căn không có duyên-nhân quá khứ.

Hỏi: Nếu căn là duyên quá khứ thì căn ấy là nhân quá khứ chăng?

Đáp: Các căn là duyên quá khứ thì căn ấy hoặc là nhân quá khứ, hoặc nhân vị lai, hoặc nhân hiện tại. Các căn là duyên quá khứ-nhân quá khứ, nghĩa là căn quá khứ, duyên quá khứ và căn vị lai-hiện tại có nhân quá khứ-duyên quá khứ. Duyên quá khứ-nhân vị lai nghĩa là căn vị lai-duyên quá khứ. Duyên quá khứ-nhân hiện tại, nghĩa là căn hiện tại-duyên quá khứ, và căn vị lai có nhân hiện tại-duyên quá khứ.

Hỏi: Các căn là nhân vị lai thì căn ấy là duyên với vị lai chăng?

Đáp: Các căn là nhân vị lai thì căn ấy hoặc là duyên vị lai, hoặc duyên quá khứ, hoặc duyên hiện tại, hoặc duyên vô vi, hoặc không có sở duyên.

Các căn là nhân vị lai-duyên vị lai, nghĩa là căn vị lai-duyên vị lai.

Nhân vị lai-duyên quá khứ, nghĩa là căn vị lai-duyên quá khứ.

Nhân vị lai-duyên hiện tại, nghĩa là căn vị lai-duyên hiện tại.

Nhân vị lai-duyên vô vi, nghĩa là căn vị lai-duyên vô vi.

Nhân vị lai, không có sở duyên, nghĩa là căn không có duyên-nhân vị lai.

Hỏi: Nếu căn là duyên vị lai thì căn ấy là nhân vị lai chăng?

Đáp: Các căn là duyên vị lai thì căn ấy hoặc là nhân vị lai, hoặc nhân quá khứ, hoặc nhân hiện tại. Các căn là duyên vị lai-nhân vị lai, nghĩa là căn vị lai-duyên vị lai, và căn vị lai-hiện tại có nhân quá khứ-duyên vị lai. Duyên vị lai-nhân quá khứ, nghĩa là căn quá khứ-duyên vị lai. Duyên vị lai-nhân hiện tại, nghĩa là căn hiện tại-duyên vị lai, và căn vị lai có nhân hiện tại-duyên vị lai.

Hỏi: Các căn là nhân hiện tại thì căn ấy là duyên hiện tại chăng?

Đáp: Các căn là nhân hiện tại thì căn ấy hoặc là duyên hiện tại, hoặc duyên quá khứ, hoặc duyên vị lai, hoặc duyên vô vi, hoặc không có sở duyên.

Các căn là nhân hiện tại-duyên hiện tại, nghĩa là căn hiện tại-duyên hiện tại, và căn vị lai có nhân hiện tại-duyên hiện tại.

Nhân hiện tại-duyên quá khứ, nghĩa là căn hiện tại-duyên quá khứ, và căn vị lai có nhân hiện tại-duyên quá khứ.

Nhân hiện tại-duyên vị lai, nghĩa là căn hiện tại-duyên vị lai, và căn vị lai có nhân hiện tại-duyên vị lai.

Nhân hiện tại-duyên vô vi, nghĩa là căn hiện tại-duyên vô vi, và căn vị lai có nhân hiện tại-duyên vô vi.

Nhân hiện tại, không có sở duyên, nghĩa là căn không có duyên-nhân hiện tại.

Hỏi: Nếu căn là duyên hiện tại thì căn ấy là nhân hiện tại chăng?

Đáp: Các căn là duyên hiện tại thì căn ấy hoặc là nhân hiện tại, hoặc nhân quá khứ, hoặc nhân vị lai. Các căn là duyên hiện tại, nhân hiện tại, nghĩa là căn hiện tại-duyên hiện tại, và căn vị lai có nhân hiện tại-duyên hiện tại, và căn vị lai có nhân hiện tại-duyên hiện tại. Duyên hiện tại, nhân quá khứ, nghĩa là căn quá khứ-duyên hiện tại. Duyên hiện tại, nhân vị lai, nghĩa là căn vị lai-duyên hiện tại.

Hỏi: Các căn là nhân thiện thì căn ấy là duyên thiện chăng?

Đáp: Các căn là nhân thiện thì căn ấy hoặc là duyên thiện, hoặc duyên bất thiện, hoặc duyên vô ký, hoặc không có sở duyên.

Các căn là nhân thiện-duyên thiện, nghĩa là căn thiện-duyên thiện, và căn vô ký có nhân thiện-duyên thiện. Các căn là nhân thiện-duyên bất thiện, nghĩa là căn thiện-duyên bất thiện, và căn vô ký có nhân thiện-duyên bất thiện. Các căn là nhân thiện-duyên vô ký, nghĩa là căn thiện-duyên vô ký và căn vô ký có nhân thiện-duyên vô ký. Các căn

là nhân thiện, không có sở duyên, nghĩa là căn không có duyên, nhân thiện.

Hỏi: Nếu căn là duyên thiện thì căn ấy là nhân thiện chăng?

Đáp: Các căn là duyên thiện thì căn ấy hoặc là nhân thiện, hoặc nhân bất thiện, hoặc nhân vô ký.

Các căn là duyên thiện, nhân thiện, nghĩa là căn thiện duyên thiện. Các căn là duyên thiện, nhân bất thiện, nghĩa là căn bất thiện-duyên thiện, và căn vô ký có nhân thiện-duyên thiện. Các căn là duyên thiện, nhân vô ký, nghĩa là căn vô ký-duyên thiện.

Hỏi: Các căn là nhân bất thiện thì căn ấy là duyên bất thiện chăng?

Đáp: Các căn là nhân bất thiện thì căn ấy hoặc là duyên bất thiện, hoặc duyên thiện, hoặc duyên vô ký, hoặc không có sở duyên.

Các căn là nhân bất thiện-duyên bất thiện, nghĩa là căn bất thiện duyên bất thiện, và căn vô ký có nhân bất thiện-duyên thiện. Các căn là nhân bất thiện-duyên thiện, nghĩa là căn bất thiện-duyên thiện, và căn vô ký có nhân vô ký-duyên thiện. Các căn là nhân bất thiện-duyên vô ký, nghĩa là căn bất thiện-duyên vô ký, và căn vô ký có nhân bất thiện-duyên vô ký. Các căn là nhân bất thiện-không có sở duyên, nghĩa là căn không có duyên-nhân bất thiện.

Hỏi: Nếu căn là duyên bất thiện thì căn ấy là nhân bất thiện chăng?

Đáp: Các căn là duyên bất thiện thì căn ấy hoặc là nhân bất thiện, hoặc là nhân thiện, hoặc nhân vô ký.

Các căn là duyên bất thiện, nhân bất thiện, nghĩa là căn bất thiện duyên bất thiện. Các căn là duyên bất thiện, nhân thiện, nghĩa là căn thiện-duyên bất thiện, và căn vô ký có nhân bất thiện-duyên bất thiện, và căn vô ký có nhân thiện-duyên bất thiện. Các căn là duyên bất thiện, nhân vô ký, nghĩa là căn vô ký-duyên bất thiện, và căn bất thiện có nhân vô ký-duyên bất thiện.

Hỏi: Các căn là nhân vô ký thì căn ấy là duyên vô ký chăng?

Đáp: Các căn là nhân vô ký thì căn ấy hoặc là duyên vô ký, hoặc duyên thiện, hoặc duyên bất thiện, hoặc không có sở duyên.

Các căn là nhân vô ký-duyên vô ký, nghĩa là căn vô ký duyên vô ký, và căn bất thiện có nhân vô ký-duyên vô ký. Các căn là nhân vô ký-duyên thiện, nghĩa là căn vô ký-duyên thiện, và căn bất thiện có nhân vô ký-duyên thiện. Các căn là nhân vô ký-duyên bất thiện, nghĩa là căn vô ký-duyên bất thiện, và căn bất thiện có nhân vô ký-duyên bất thiện.

thiện. Các căn là nhân vô ký, không có sở duyên, nghĩa là căn không có duyên-nhân vô ký.

Hỏi: Nếu căn là duyên vô ký thì căn ấy là nhân vô ký chăng?

Đáp: Các căn là duyên vô ký thì căn ấy hoặc là nhân vô ký, hoặc là nhân thiện, hoặc nhân bất thiện.

Các căn là duyên vô ký-nhân vô ký, nghĩa là căn vô ký-duyên vô ký. Các căn là duyên vô ký-nhân thiện, nghĩa là căn thiện-duyên vô ký, và căn bất thiện có nhân vô ký -duyên vô ký, và căn vô ký có nhân thiện-duyên vô ký. Các căn là duyên vô ký-nhân bất thiện, nghĩa là căn bất thiện-duyên vô ký, và căn vô ký có nhân bất thiện-duyên vô ký.

Hỏi: Các căn là nhân cõi Dục thì căn ấy duyên cõi Dục chăng?

Đáp: Các căn là nhân cõi Dục thì căn ấy hoặc là duyên cõi Dục, hoặc duyên cõi Sắc, hoặc duyên cõi Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc, hoặc không có sở duyên.

Các căn là nhân cõi Dục-duyên cõi Dục, nghĩa là căn cõi Dục-duyên cõi Dục. Các căn là nhân cõi Dục-duyên cõi Sắc, nghĩa là căn cõi Dục-duyên cõi Sắc. Các căn là nhân cõi Dục-duyên cõi Vô sắc, nghĩa là căn cõi Dục-duyên cõi Vô sắc. Các căn là nhân cõi Dục-duyên không hệ thuộc, nghĩa là căn cõi Dục-duyên không hệ thuộc. Các căn là nhân cõi Dục, không có sở duyên, nghĩa là căn không có duyên-nhân cõi Dục.

Hỏi: Nếu căn là duyên cõi Dục thì căn ấy là nhân cõi Dục chăng?

Đáp: Các căn là duyên cõi Dục thì căn ấy hoặc là nhân cõi Dục, hoặc nhân cõi Sắc, hoặc nhân cõi Vô sắc, hoặc nhân không hệ thuộc.

Các căn là duyên cõi Dục-nhân cõi Dục, nghĩa là căn cõi Dục-duyên cõi Dục. Các căn là duyên cõi Dục-nhân cõi Sắc, nghĩa là căn cõi Sắc-duyên cõi Dục. Các căn là duyên cõi Dục-nhân cõi Vô sắc, nghĩa là căn cõi Vô sắc-duyên cõi Dục. Các căn là duyên cõi Dục-nhân không hệ thuộc, nghĩa là căn không hệ thuộc, duyên cõi Dục.

Hỏi: Các căn là nhân cõi Sắc thì căn ấy là duyên cõi Sắc chăng?

Đáp: Các căn là nhân cõi Sắc thì căn ấy hoặc là duyên cõi Sắc, hoặc duyên cõi Dục, hoặc duyên cõi Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc, hoặc không có sở duyên.

Các căn là nhân cõi Sắc-duyên cõi Sắc, nghĩa là căn cõi Sắc-duyên cõi Sắc. Các căn là nhân cõi Sắc-duyên cõi Dục, nghĩa là căn cõi Sắc-duyên cõi Dục. Các căn là nhân cõi Sắc-duyên không hệ thuộc, nghĩa là căn cõi Sắc-duyên không hệ thuộc. Các căn là nhân cõi Sắc,

không có sở duyên, nghĩa là căn không có duyên-nhân cõi Sắc.

Hỏi: Nếu căn là duyên cõi Sắc thì căn ấy là nhân cõi Sắc chăng?

Đáp: Các căn là duyên cõi Sắc thì căn ấy hoặc là nhân cõi Sắc, hoặc nhân cõi Dục, hoặc nhân cõi Vô sắc, hoặc nhân không hệ thuộc.

Các căn là duyên cõi Sắc-nhân cõi Sắc, nghĩa là căn cõi Sắc-duyên cõi Sắc. Các căn là duyên cõi Sắc-nhân cõi Dục, nghĩa là căn cõi Dục-duyên cõi Sắc. Các căn là duyên cõi Sắc-nhân cõi Vô sắc, nghĩa là căn cõi Vô sắc-duyên cõi Sắc. Các căn là duyên cõi Sắc-nhân không hệ thuộc, nghĩa là căn không hệ thuộc, duyên cõi Sắc.

Hỏi: Các căn là nhân cõi Vô sắc thì căn ấy là duyên cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Các căn là nhân cõi Vô sắc thì căn ấy hoặc là duyên cõi Vô sắc, hoặc duyên cõi Dục, hoặc duyên cõi Sắc, hoặc duyên không hệ thuộc, hoặc không có sở duyên.

Các căn là nhân cõi Vô sắc-duyên cõi Vô sắc, nghĩa là căn cõi Vô sắc-duyên cõi Vô sắc. Các căn là nhân cõi Vô sắc-duyên cõi Dục, nghĩa là căn cõi Vô sắc-duyên cõi Dục. Các căn là nhân cõi Vô sắc-duyên cõi Sắc, nghĩa là căn cõi Vô sắc-duyên cõi Sắc. Các căn là nhân cõi Vô sắc-duyên không hệ thuộc, nghĩa là căn cõi Vô sắc-duyên không hệ thuộc. Các căn là nhân cõi Vô sắc, không có sở duyên, nghĩa là căn không có duyên-nhân cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu căn là duyên cõi Vô sắc thì căn ấy là nhân cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Các căn là duyên cõi Vô sắc thì căn ấy hoặc là nhân cõi Vô sắc, hoặc nhân cõi Dục, hoặc nhân cõi Sắc, hoặc nhân không hệ thuộc.

Các căn là duyên cõi Vô sắc-nhân cõi Vô sắc, nghĩa là căn cõi Vô sắc-duyên cõi Vô sắc. Các căn là duyên cõi Vô sắc-nhân cõi Dục, nghĩa là căn cõi Dục-duyên cõi Vô sắc. Các căn là duyên cõi Vô sắc-nhân cõi Sắc, nghĩa là căn cõi Sắc-duyên cõi Vô sắc. Các căn là duyên cõi Vô sắc-nhân không hệ thuộc, nghĩa là căn không hệ thuộc, duyên cõi Vô sắc.

Hỏi: Các căn là nhân học thì căn ấy là duyên với học chăng?

Đáp: Các căn là nhân học thì căn ấy hoặc là duyên học, hoặc duyên vô học, hoặc duyên phi học phi vô học, và căn vô học có nhân học-duyên học.

Các căn là nhân học-duyên học, nghĩa là căn học-duyên học, và căn vô học có nhân học-duyên vô học.

Các căn là nhân học-duyên vô học, nghĩa là căn học-duyên vô học, và căn vô học có nhân học-duyên phi học phi vô học.

Các căn là nhân học-duyên phi học phi vô học, nghĩa là căn học-duyên phi học phi vô học.

Hỏi: Nếu căn là duyên học, căn ấy là nhân học chăng?

Đáp: Các căn là duyên học, căn ấy hoặc là nhân học, hoặc nhân vô học, hoặc nhân phi học phi vô học.

Các căn là duyên học-nhân học, nghĩa là căn học-duyên học, và căn vô học có nhân học-duyên học.

Các căn là duyên học-nhân vô học, nghĩa là căn vô học-duyên học.

Các căn là duyên học-nhân phi học phi vô học, nghĩa là căn phi học phi vô học-duyên học.

Hỏi: Các căn là nhân vô học, căn ấy là duyên với vô học chăng?

Đáp: Các căn là nhân vô học, căn ấy hoặc là duyên vô học, hoặc duyên học, hoặc duyên phi học phi vô học.

Các căn là nhân vô học-duyên vô học, nghĩa là căn vô học-duyên vô học.

Các căn là nhân vô học-duyên học, nghĩa là căn vô học-duyên học.

Các căn là nhân vô học-duyên phi học phi vô học, nghĩa là căn vô học-duyên phi học phi vô học.

Hỏi: Nếu căn là duyên vô học, căn ấy là nhân vô học chăng?

Đáp: Các căn là duyên vô học, căn ấy hoặc là nhân vô học, hoặc nhân học, hoặc nhân phi học phi vô học.

Các căn là duyên vô học-nhân vô học, nghĩa là căn vô học-duyên vô học.

Các căn là duyên vô học-nhân học, nghĩa là căn học-duyên vô học, và căn vô học có nhân học-duyên học.

Các căn là duyên vô học-nhân phi học phi vô học, nghĩa là căn phi học phi vô học-duyên vô học.

Hỏi: Các căn là nhân phi học phi vô học, căn ấy là duyên với phi học phi vô học chăng?

Đáp: Các căn là nhân phi học phi vô học, căn ấy hoặc là duyên phi học phi vô học, hoặc duyên học, hoặc vô học, hoặc không có sở duyên.

Các căn là nhân phi học phi vô học-duyên phi học phi vô học, nghĩa là căn phi học phi vô học-duyên phi học phi vô học.

Các căn là nhân phi học phi vô học-duyên học, nghĩa là căn phi học phi vô học-duyên học.

Các căn là nhân phi học phi vô học-duyên vô học, nghĩa là căn phi học phi vô học-duyên vô học.

Các căn là nhân phi học phi vô học, không có sở duyên, nghĩa là căn không có duyên-nhân phi học phi vô học.

Hỏi: Nếu căn là duyên phi học phi vô học, căn ấy là nhân phi học phi vô học chăng?

Đáp: Các căn là duyên phi học phi vô học, căn ấy hoặc là nhân phi học phi vô học, hoặc nhân học, hoặc nhân vô học.

Các căn là duyên phi học phi vô học-nhân phi học phi vô học, nghĩa là căn phi học phi vô học-duyên phi học phi vô học.

Các căn là duyên phi học phi vô học-nhân học, nghĩa là căn học-duyên phi học phi vô học, và căn vô học có nhân học-duyên phi học phi vô học.

Các căn là duyên phi học phi vô học-nhân vô học, nghĩa là căn vô học-duyên phi học phi vô học.

Hỏi: Các căn là nhân kiến đoạn thì căn ấy là duyên với kiến đoạn chăng?

Đáp: Các căn là nhân kiến đoạn thì căn ấy hoặc là duyên kiến đoạn, hoặc duyên tu đoạn, hoặc duyên không đoạn, hoặc không có sở duyên.

Các căn là nhân kiến đoạn-duyên kiến đoạn, nghĩa là căn kiến đoạn-duyên kiến đoạn.

Các căn là nhân kiến đoạn-duyên tu đoạn, nghĩa là căn kiến đoạn-duyên tu đoạn.

Các căn là nhân kiến đoạn-duyên không đoạn, nghĩa là căn kiến đoạn-duyên không đoạn.

Các căn là nhân kiến đoạn, không có sở duyên, nghĩa là căn không có duyên-nhân kiến đoạn.

Hỏi: Nếu căn là duyên kiến đoạn thì căn ấy là nhân kiến đoạn chăng?

Đáp: Các căn là duyên kiến đoạn thì căn ấy hoặc là nhân kiến đoạn, hoặc nhân tu đoạn, hoặc nhân không đoạn.

Các căn là duyên kiến đoạn-nhân kiến đoạn, nghĩa là căn kiến đoạn-duyên kiến đoạn.

Các căn là duyên kiến đoạn-nhân tu đoạn, nghĩa là căn tu đoạn-duyên kiến đoạn.

Các căn là duyên kiến đoạn-nhân không đoạn, nghĩa là căn không đoạn-duyên kiến đoạn.

Hỏi: Các căn là nhân tu đoạn thì căn ấy là duyên tu đoạn chăng?

Đáp: Các căn là nhân tu đoạn thì căn ấy hoặc là duyên tu đoạn, hoặc duyên kiến đoạn, hoặc duyên không đoạn, hoặc không có sở duyên.

Các căn là nhân tu đoạn-duyên tu đoạn, nghĩa là căn tu đoạn-duyên tu đoạn.

Các căn là nhân tu đoạn-duyên kiến đoạn, nghĩa là căn tu đoạn-duyên kiến đoạn.

Các căn là nhân tu đoạn-duyên không đoạn, nghĩa là căn tu đoạn-duyên không đoạn.

Các căn là nhân tu đoạn, không có sở duyên, nghĩa là căn không có duyên-nhân tu đoạn.

Hỏi: Nếu căn là duyên tu đoạn thì căn ấy là nhân tu đoạn chăng?

Đáp: Các căn là duyên tu đoạn thì căn ấy hoặc là nhân tu đoạn, hoặc nhân kiến đoạn, hoặc nhân không đoạn.

Các căn là duyên tu đoạn-nhân tu đoạn, nghĩa là căn tu đoạn-duyên tu đoạn.

Các căn là duyên tu đoạn-nhân kiến đoạn, nghĩa là căn kiến đoạn-duyên tu đoạn, và căn tu đoạn có nhân kiến đoạn-duyên tu đoạn.

Các căn là duyên tu đoạn-nhân không đoạn, nghĩa là căn không đoạn-duyên tu đoạn.

Hỏi: Các căn là nhân không đoạn thì căn ấy là duyên với không đoạn chăng?

Đáp: Các căn là nhân không đoạn thì căn đó hoặc là duyên không đoạn, hoặc duyên kiến đoạn, hoặc duyên tu đoạn.

Các căn là nhân không đoạn-duyên không đoạn, nghĩa là căn không đoạn-duyên không đoạn.

Các căn là nhân không đoạn-duyên kiến đoạn, nghĩa là căn không đoạn-duyên kiến đoạn.

Các căn là nhân không đoạn-duyên tu đoạn, nghĩa là căn không đoạn-duyên tu đoạn.

Hỏi: Nếu căn là duyên không đoạn thì căn ấy là nhân không đoạn chăng?

Đáp: Các căn là duyên không đoạn thì căn ấy hoặc là nhân không đoạn, hoặc nhân kiến đoạn, hoặc nhân tu đoạn.

Các căn là duyên không đoạn-nhân không đoạn, nghĩa là căn không đoạn-duyên không đoạn.

Các căn là duyên không đoạn-nhân kiến đoạn, nghĩa là căn kiến đoạn-duyên không đoạn.

Các căn là duyên không đoạn-nhân tu đoạn, nghĩa là căn tu đoạn-duyên không đoạn.

Hỏi: Các căn là nhân kiến khổ đoạn thì căn ấy là duyên với kiến khổ đoạn chăng?

Đáp: Các căn là nhân kiến khổ đoạn thì căn ấy hoặc là duyên kiến khổ đoạn, hoặc duyên kiến tập đoạn, hoặc duyên kiến diệt đoạn, hoặc duyên kiến đạo đoạn, hoặc duyên tu đoạn, hoặc duyên không đoạn, hoặc không có sở duyên.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên kiến khổ đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên kiến khổ đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên kiến khổ đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên kiến tập đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên kiến tập đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên kiến tập đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên kiến diệt đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên kiến diệt đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên kiến đạo đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên kiến đạo đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên kiến đạo đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên tu đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên tu đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên kiến khổ đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên không đoạn, nghĩa là căn kiến diệt-kiến đạo đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên không đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn, không có sở duyên, nghĩa là căn không có duyên-nhân kiến khổ đoạn.

Hỏi: Nếu căn là duyên kiến khổ đoạn thì căn ấy là nhân kiến khổ đoạn chăng?

Đáp: Các căn là duyên kiến khổ đoạn thì căn ấy hoặc là nhân kiến khổ đoạn, hoặc nhân kiến tập đoạn, hoặc nhân tu đoạn, hoặc nhân không đoạn.

Các căn là duyên kiến khổ đoạn-nhân kiến khổ đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên kiến khổ đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên kiến khổ đoạn.

Các căn là duyên kiến khổ đoạn-nhân kiến tập đoạn, nghĩa là căn

kiến tập đoạn-duyên kiến khổ đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến tập đoạn-duyên kiến khổ đoạn.

Các căn là duyên kiến khổ đoạn-nhân tu đoạn, nghĩa là căn tu đoạn-duyên kiến khổ đoạn.

Các căn là duyên kiến khổ đoạn-nhân không đoạn, nghĩa là căn không đoạn-duyên kiến khổ đoạn.

Như kiến khổ đoạn, kiến tập đoạn cũng như vậy.

Hỏi: Các căn là nhân kiến diệt đoạn thì căn ấy duyên với kiến diệt đoạn chăng?

Đáp: Các căn là nhân kiến diệt đoạn thì căn ấy hoặc là duyên kiến diệt đoạn, hoặc duyên tu đoạn, hoặc duyên không đoạn, hoặc không có sở duyên.

Các căn là nhân kiến diệt đoạn-duyên kiến diệt đoạn, nghĩa là căn kiến diệt đoạn-duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là nhân kiến diệt đoạn-duyên tu đoạn, nghĩa là tu đoạn có nhân kiến diệt đoạn-duyên tu đoạn.

Các căn là nhân kiến diệt đoạn-duyên không đoạn, nghĩa là căn kiến diệt đoạn-duyên không đoạn.

Các căn là nhân kiến diệt đoạn, không có sở duyên, nghĩa là căn không có duyên-nhân kiến diệt đoạn.

Hỏi: Nếu căn là duyên kiến diệt đoạn thì căn ấy là nhân kiến diệt đoạn chăng?

Đáp: Các căn là duyên kiến diệt đoạn thì căn ấy hoặc là nhân kiến diệt đoạn, hoặc nhân kiến khổ đoạn, hoặc nhân kiến tập đoạn, hoặc nhân tu đoạn, hoặc nhân không đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là duyên kiến diệt đoạn-nhân kiến diệt đoạn, nghĩa là căn kiến diệt đoạn-duyên kiến diệt đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là duyên kiến diệt đoạn-nhân kiến khổ đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là duyên kiến diệt đoạn-nhân kiến tập đoạn, nghĩa là căn kiến tập đoạn-duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là duyên kiến diệt đoạn-nhân tu đoạn, nghĩa là căn tu đoạn-duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là duyên kiến diệt đoạn-nhân không đoạn, nghĩa là căn không đoạn-duyên kiến diệt đoạn.

Như kiến diệt đoạn, kiến đạo đoạn cũng như vậy.

Hỏi: Các căn là nhân kiến khổ đoạn thì căn ấy là duyên với khổ pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn là nhân kiến khổ đoạn thì căn ấy hoặc là duyên khổ pháp trí đoạn, hoặc duyên khổ loại trí đoạn, hoặc duyên tập pháp trí đoạn, hoặc duyên tập loại trí đoạn, hoặc duyên diệt pháp trí đoạn, hoặc duyên diệt loại trí đoạn, hoặc duyên đạo pháp trí đoạn, hoặc duyên đạo loại trí đoạn, hoặc duyên tu đoạn, hoặc duyên không đoạn, hoặc không có sở duyên.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên khổ pháp trí đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên khổ pháp trí đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên khổ pháp trí đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên khổ loại trí đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên khổ loại trí đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên khổ loại trí đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên tập pháp trí đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên tập pháp trí đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên tập pháp trí đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên tập loại trí đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên tập loại trí đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên tập loại trí đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên diệt loại trí đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên diệt loại trí đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên diệt loại trí đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên đạo pháp trí đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên đạo pháp trí đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên đạo pháp trí đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên đạo loại trí đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên đạo loại trí đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên tu đoạn, nghĩa là căn kiến diệt kiến đạo đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên không đoạn

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên không đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên không đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn, không có sở duyên, nghĩa là căn không có duyên-nhân kiến khổ đoạn.

Hỏi: Nếu căn là duyên khổ pháp trí đoạn thì căn ấy là nhân kiến

khổ đoạn chẳng?

Đáp: Các căn là duyên khổ pháp trí đoạn thì căn ấy hoặc là nhân kiến khổ đoạn, hoặc nhân kiến tập đoạn, hoặc nhân tu đoạn, hoặc nhân không đoạn.

Các căn là duyên khổ pháp trí đoạn-nhân kiến khổ đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên khổ pháp trí đoạn.

Các căn là duyên khổ pháp trí đoạn-nhân kiến tập đoạn, nghĩa là căn kiến tập đoạn-duyên khổ pháp trí đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên khổ pháp trí đoạn.

Các căn là duyên khổ pháp trí đoạn-nhân tu đoạn, nghĩa là căn tu đoạn-duyên khổ pháp trí đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên khổ pháp trí đoạn.

Các căn là duyên khổ pháp trí đoạn-nhân không đoạn, nghĩa là căn không đoạn-duyên khổ pháp trí đoạn.

Hỏi: Các căn là nhân kiến khổ đoạn thì căn ấy là duyên khổ loại trí đoạn chẳng?

Đáp: Các căn là nhân kiến khổ đoạn thì căn ấy hoặc là duyên khổ loại trí đoạn, hoặc duyên khổ pháp trí đoạn, hoặc duyên tập pháp trí đoạn, hoặc duyên diệt pháp trí đoạn, hoặc duyên đạo pháp trí đoạn, hoặc duyên tu đoạn, hoặc duyên không đoạn, hoặc không có sở duyên.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên khổ loại trí đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên khổ loại trí đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên khổ pháp trí đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên khổ pháp trí đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên khổ loại trí đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên tập pháp trí đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên tập pháp trí đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên khổ pháp trí đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên tập loại trí đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên tập loại trí đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên tập pháp trí đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên tập pháp trí đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên diệt loại trí đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên diệt loại trí đoạn, và căn kiến tập đoạn có

nhân kiến khổ đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên đạo pháp trí đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên đạo pháp trí đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên đạo loại trí đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên đạo loại trí đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên diệt loại trí đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên tu đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên tu đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên tu đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn-duyên không đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên không đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên không đoạn.

Các căn là nhân kiến khổ đoạn, không có sở duyên, nghĩa là căn không có duyên-nhân kiến khổ đoạn.

Hỏi: Nếu căn duyên với khổ loại trí đoạn thì căn ấy là nhân kiến khổ đoạn chăng?

Đáp: Các căn duyên với khổ loại trí đoạn thì căn ấy hoặc là nhân kiến khổ đoạn, hoặc nhân kiến tập đoạn, hoặc nhân tu đoạn, hoặc nhân không đoạn.

Các căn là duyên khổ loại trí đoạn-nhân kiến khổ đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên khổ loại trí đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên khổ loại trí đoạn.

Các căn là duyên khổ loại trí đoạn-nhân kiến tập đoạn, nghĩa là căn kiến tập đoạn-duyên khổ loại trí đoạn, và căn kiến tập đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên khổ loại trí đoạn.

Các căn là duyên khổ loại trí đoạn-nhân tu đoạn, nghĩa là căn tu đoạn-duyên khổ loại trí đoạn.

Các căn là duyên khổ loại trí đoạn-nhân không đoạn, nghĩa là căn không đoạn-duyên khổ loại trí đoạn.

Như đối với khổ, đối với tập cũng như vậy.

Hỏi: Các căn là nhân kiến diệt đoạn thì căn ấy là duyên diệt pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn là nhân kiến diệt đoạn thì căn ấy hoặc là duyên diệt pháp trí đoạn, hoặc duyên diệt loại trí đoạn, hoặc duyên tu đoạn, hoặc duyên không đoạn, hoặc không có sở duyên.

Các căn là nhân kiến diệt đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn, nghĩa là căn kiến diệt đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn.

Các căn là nhân kiến diệt đoạn-duyên diệt loại trí đoạn, nghĩa là

căn tu đoạn có nhân kiến diệt đoạn-duyên tu đoạn

Các căn là nhân kiến diệt đoạn-duyên tu đoạn, nghĩa là căn kiến diệt đoạn-duyên tu đoạn.

Các căn là nhân kiến diệt đoạn-duyên không đoạn, nghĩa là căn kiến diệt đoạn-duyên không đoạn.

Các căn là nhân kiến diệt đoạn, không có sở duyên, nghĩa là căn không có duyên-nhân kiến diệt đoạn.

Hỏi: Nếu căn duyên với diệt pháp trí đoạn thì căn ấy là nhân kiến diệt đoạn chăng?

Đáp: Các căn duyên với diệt pháp trí đoạn thì căn ấy hoặc là nhân kiến diệt đoạn, hoặc nhân kiến khổ đoạn, hoặc nhân kiến tập đoạn, hoặc nhân tu đoạn, hoặc nhân không đoạn.

Các căn là duyên diệt pháp trí đoạn-nhân kiến diệt đoạn, nghĩa là căn kiến diệt đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn.

Các căn là duyên diệt pháp trí đoạn-nhân kiến khổ đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn, và căn kiến tập-kiến diệt đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn.

Các căn là duyên diệt pháp trí đoạn-nhân kiến tập đoạn, nghĩa là căn kiến tập đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn, và căn kiến tập-kiến diệt đoạn có nhân kiến tập đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn.

Các căn là duyên diệt pháp trí đoạn-nhân tu đoạn, nghĩa là căn tu đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn.

Các căn là duyên diệt pháp trí đoạn-nhân không đoạn, nghĩa là căn không đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn.

Hỏi: Các căn là nhân kiến diệt đoạn thì căn ấy duyên với diệt loại trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn là nhân kiến diệt đoạn thì căn ấy hoặc là duyên diệt loại trí đoạn, hoặc duyên diệt pháp trí đoạn, hoặc duyên tu đoạn, hoặc duyên không đoạn, hoặc không có sở duyên.

Các căn là nhân kiến diệt đoạn-duyên diệt loại trí đoạn, nghĩa là căn kiến diệt đoạn-duyên diệt loại trí đoạn.

Các căn là nhân kiến diệt đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn, nghĩa là căn kiến diệt đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn.

Các căn là nhân kiến diệt đoạn-duyên tu đoạn, nghĩa là căn tu đoạn có nhân kiến diệt đoạn-duyên tu đoạn.

Các căn là nhân kiến diệt đoạn-duyên không đoạn, nghĩa là căn kiến diệt đoạn-duyên không đoạn.

Các căn là nhân kiến diệt đoạn, không có sở duyên, nghĩa là căn

không có duyên-nhân kiến diệt đoạn.

Hỏi: Nếu căn là duyên diệt loại trí đoạn thì căn ấy là nhân kiến diệt đoạn chăng?

Đáp: Các căn là duyên diệt loại trí đoạn thì căn ấy hoặc là nhân kiến diệt đoạn, hoặc nhân kiến khổ đoạn, hoặc nhân kiến tập đoạn, hoặc nhân tu đoạn, hoặc nhân không đoạn.

Các căn là duyên diệt loại trí đoạn-nhân kiến diệt đoạn, nghĩa là căn kiến diệt đoạn-duyen diệt loại trí đoạn.

Các căn là duyên diệt loại trí đoạn-nhân kiến khổ đoạn, nghĩa là căn kiến khổ đoạn-duyen diệt loại trí đoạn, và căn kiến tập-kiến diệt đoạn có nhân kiến khổ đoạn-duyen diệt loại trí đoạn.

Các căn là duyên diệt loại trí đoạn-nhân kiến tập đoạn, nghĩa là căn kiến tập đoạn-duyen diệt loại trí đoạn, và căn kiến tập-kiến diệt đoạn có nhân kiến tập đoạn-duyen diệt loại trí đoạn.

Các căn là duyên diệt loại trí đoạn-nhân tu đoạn, nghĩa là căn tu đoạn-duyen diệt loại trí đoạn.

Các căn là duyên diệt loại trí đoạn-nhân không đoạn, nghĩa là căn không đoạn-duyen diệt loại trí đoạn.

Như đối với diệt, đối với đạo cũng như vậy.

Hỏi: Các căn là nhân khổ pháp trí đoạn thì căn ấy duyên với khổ pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn là nhân khổ pháp trí đoạn thì căn ấy hoặc là duyên khổ pháp trí đoạn, hoặc duyên khổ loại trí đoạn, hoặc duyên tập pháp trí đoạn, hoặc duyên tập loại trí đoạn, hoặc duyên diệt pháp trí đoạn, hoặc duyên diệt loại trí đoạn, hoặc duyên đạo pháp trí đoạn, hoặc duyên đạo loại trí đoạn, hoặc duyên tu đoạn, hoặc duyên không đoạn, hoặc không có sở duyên.

Các căn là nhân khổ pháp trí đoạn-duyen khổ pháp trí đoạn, nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn-duyen khổ pháp trí đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyen khổ pháp trí đoạn.

Các căn là nhân khổ pháp trí đoạn-duyen khổ loại trí đoạn, nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn-duyen khổ loại trí đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyen khổ loại trí đoạn.

Các căn là nhân khổ pháp trí đoạn-duyen tập pháp trí đoạn, nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn-duyen tập pháp trí đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyen khổ loại trí đoạn.

Các căn là nhân khổ pháp trí đoạn-duyen tập loại trí đoạn, nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn-duyen tập loại trí đoạn, và căn tập pháp trí

đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên tập pháp trí đoạn.

Các căn là nhân khổ pháp trí đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn, nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên tập pháp trí đoạn.

Các căn là nhân khổ pháp trí đoạn-duyên diệt loại trí đoạn, nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn-duyên diệt loại trí đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn.

Các căn là nhân khổ pháp trí đoạn-duyên đạo pháp trí đoạn, nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn-duyên đạo pháp trí đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên đạo pháp trí đoạn.

Các căn là nhân khổ pháp trí đoạn-duyên đạo loại trí đoạn, nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn-duyên đạo loại trí đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên đạo pháp trí đoạn.

Các căn là nhân khổ pháp trí đoạn-duyên tu đoạn, nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn-duyên tu đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên tu đoạn.

Các căn là nhân khổ pháp trí đoạn-duyên không đoạn, nghĩa là căn diệt-đạo pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên không đoạn.

Các căn là nhân khổ pháp trí đoạn, không có sở duyên, nghĩa là căn không có duyên-nhân khổ pháp trí đoạn.

Hỏi: Nếu căn là duyên với khổ pháp trí đoạn thì căn ấy là nhân khổ pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn là duyên với khổ pháp trí đoạn thì căn ấy hoặc là nhân khổ pháp trí đoạn, hoặc nhân tập pháp trí đoạn, hoặc nhân tu đoạn, hoặc nhân không đoạn.

Các căn là duyên khổ pháp trí đoạn-nhân khổ pháp trí đoạn, nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn-duyên khổ pháp trí đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên khổ pháp trí đoạn.

Các căn là duyên khổ pháp trí đoạn-nhân tập pháp trí đoạn, nghĩa là căn tập pháp trí đoạn-duyên khổ pháp trí đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên khổ pháp trí đoạn.

Các căn là duyên khổ pháp trí đoạn-nhân tu đoạn, nghĩa là căn tu đoạn-duyên khổ pháp trí đoạn.

Các căn là duyên khổ pháp trí đoạn-nhân không đoạn, nghĩa là căn không đoạn-duyên khổ pháp trí đoạn.

Hỏi: Các căn là nhân khổ loại trí đoạn thì căn ấy là duyên với khổ loại trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn là nhân khổ loại trí đoạn thì căn ấy hoặc là duyên khổ loại trí đoạn, hoặc duyên tập loại trí đoạn, hoặc duyên diệt loại trí đoạn, hoặc duyên đạo loại trí đoạn, hoặc duyên tu đoạn, hoặc duyên không đoạn.

Các căn là nhân khổ loại trí đoạn-duyên khổ loại trí đoạn, nghĩa là căn khổ loại trí đoạn-duyên khổ loại trí đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên khổ loại trí đoạn.

Các căn là nhân khổ loại trí đoạn-duyên tập loại trí đoạn, nghĩa là căn khổ loại trí đoạn-duyên tập loại trí đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên tập loại trí đoạn.

Các căn là nhân khổ loại trí đoạn-duyên diệt loại trí đoạn, nghĩa là căn khổ loại trí đoạn-duyên diệt loại trí đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên đạo loại trí đoạn.

Các căn là nhân khổ loại trí đoạn-duyên đạo loại trí đoạn, nghĩa là căn khổ loại trí đoạn-duyên đạo loại trí đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên đạo loại trí đoạn.

Các căn là nhân khổ loại trí đoạn-duyên tu đoạn, nghĩa là căn khổ loại trí đoạn-duyên tu đoạn, và căn tập loại trí-tu đoạn có nhân khổ loại trí đoạn-duyên tu đoạn.

Các căn là nhân khổ loại trí đoạn-duyên không đoạn, nghĩa là căn khổ loại trí đoạn-duyên không đoạn.

Hỏi: Nếu căn là duyên với khổ loại trí đoạn thì căn ấy là nhân khổ loại trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn là duyên với khổ loại trí đoạn thì căn ấy hoặc là nhân khổ loại trí đoạn, hoặc nhân khổ pháp trí đoạn, hoặc nhân tập pháp trí đoạn, hoặc nhân tập loại trí đoạn, hoặc nhân tu đoạn, hoặc nhân không đoạn.

Các căn là duyên khổ loại trí đoạn-nhân khổ loại trí đoạn, nghĩa là căn khổ loại trí đoạn-duyên khổ loại trí đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên khổ loại trí đoạn.

Các căn là duyên khổ loại trí đoạn-nhân khổ pháp trí đoạn, nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn-duyên khổ loại trí đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên khổ loại trí đoạn.

Các căn là duyên khổ loại trí đoạn-nhân tập pháp trí đoạn, nghĩa là căn tập pháp trí đoạn-duyên khổ loại trí đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên khổ loại trí đoạn.

Các căn là duyên khổ loại trí đoạn-nhân tập loại trí đoạn, nghĩa là căn tập loại trí đoạn-duyên khổ loại trí đoạn, và căn tập pháp trí đoạn

có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên khổ loại trí đoạn

Các căn là duyên khổ loại trí đoạn-nhân tu đoạn, nghĩa là căn tu đoạn-duyên khổ loại trí đoạn.

Các căn là duyên khổ pháp trí đoạn-nhân không đoạn, nghĩa là căn không đoạn-duyên khổ loại trí đoạn.

Như đối với khổ, đối với tập cũng như vậy.

Hỏi: Các căn là nhân diệt pháp trí đoạn thì căn ấy duyên với diệt pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn là nhân diệt pháp trí đoạn thì căn ấy hoặc là duyên diệt pháp trí đoạn, hoặc duyên tu đoạn, hoặc duyên không đoạn, hoặc không có sở duyên.

Các căn là nhân diệt pháp trí đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn, nghĩa là căn diệt pháp trí đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn.

Các căn là nhân diệt pháp trí đoạn-duyên tu đoạn, nghĩa là căn tu đoạn có nhân diệt pháp trí đoạn-duyên tu đoạn.

Các căn là nhân diệt pháp trí đoạn-duyên không đoạn, nghĩa là căn diệt pháp trí đoạn-duyên không đoạn.

Các căn là nhân diệt pháp trí đoạn, không có sở duyên, nghĩa là căn không có duyên-nhân diệt pháp trí đoạn.

Hỏi: Nếu căn là duyên với diệt pháp trí đoạn thì căn ấy là nhân diệt pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn là duyên với diệt pháp trí đoạn thì căn ấy hoặc là nhân diệt pháp trí đoạn, hoặc nhân khổ pháp trí đoạn, hoặc nhân tập pháp trí đoạn, hoặc nhân tu đoạn, hoặc nhân không đoạn.

Các căn là duyên diệt pháp trí đoạn-nhân diệt pháp trí đoạn, nghĩa là căn diệt pháp trí đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên diệt loại trí đoạn.

Các căn là duyên diệt pháp trí đoạn-nhân khổ pháp trí đoạn, nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên diệt loại trí đoạn.

Các căn là duyên diệt pháp trí đoạn-nhân tập pháp trí đoạn, nghĩa là căn tập pháp trí đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn.

Các căn là duyên diệt pháp trí đoạn-nhân tu đoạn, nghĩa là căn tu đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn.

Các căn là duyên diệt pháp trí đoạn-nhân không đoạn, nghĩa là căn không đoạn-duyên diệt pháp trí đoạn.

Hỏi: Các căn là nhân diệt loại trí đoạn thì căn là duyên với diệt loại trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn là nhân diệt loại trí đoạn thì căn ấy hoặc là duyên diệt loại trí đoạn, hoặc duyên không đoạn.

Các căn là nhân diệt loại trí đoạn-duyên diệt loại trí đoạn, nghĩa là căn diệt loại trí đoạn-duyên diệt loại trí đoạn.

Các căn là nhân diệt loại trí đoạn-duyên không đoạn, nghĩa là căn diệt loại trí đoạn-duyên không đoạn.

Hỏi: Nếu căn duyên với diệt loại trí đoạn thì căn ấy là nhân diệt loại trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn duyên với diệt loại trí đoạn thì căn ấy hoặc là nhân diệt loại trí đoạn, hoặc nhân khổ pháp trí đoạn, hoặc nhân khổ loại trí đoạn, hoặc nhân tập pháp trí đoạn, hoặc nhân tập loại trí đoạn, hoặc nhân tu đoạn, hoặc nhân không đoạn.

Các căn là duyên diệt loại trí đoạn-nhân diệt loại trí đoạn, nghĩa là căn diệt loại trí đoạn-duyên diệt loại trí đoạn.

Các căn là duyên diệt loại trí đoạn-nhân khổ pháp trí đoạn, nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn-duyên diệt loại trí đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên diệt loại trí đoạn.

Các căn là duyên diệt loại trí đoạn-nhân khổ loại trí đoạn, nghĩa là căn khổ loại trí đoạn-duyên diệt loại trí đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên diệt loại trí đoạn.

Các căn là duyên diệt loại trí đoạn-nhân tập pháp trí đoạn, nghĩa là căn tập pháp trí đoạn-duyên diệt loại trí đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân tập pháp trí đoạn-duyên diệt loại trí đoạn.

Các căn là duyên diệt loại trí đoạn-nhân tập loại trí đoạn, nghĩa là căn tập loại trí đoạn-duyên diệt loại trí đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân tập pháp trí đoạn-duyên diệt loại trí đoạn.

Các căn là duyên diệt loại trí đoạn-nhân tu đoạn, nghĩa là căn tu đoạn-duyên diệt loại trí đoạn.

Các căn là duyên diệt loại trí đoạn-nhân không đoạn, nghĩa là căn không đoạn-duyên diệt loại trí đoạn.

Như đối với diệt, đối với đạo cũng như vậy.

Hỏi: Các căn là nhân khổ pháp trí đoạn thì căn ấy duyên với kiến khổ đoạn chăng?

Đáp: Các căn là nhân khổ pháp trí đoạn thì căn ấy hoặc duyên với kiến khổ đoạn, hoặc duyên kiến tập đoạn, hoặc duyên kiến diệt đoạn, hoặc duyên kiến đạo đoạn, hoặc duyên tu đoạn, hoặc duyên không đoạn, hoặc không có sở duyên.

Các căn là nhân khổ pháp trí đoạn-duyên kiến khổ đoạn, nghĩa là

căn khổ pháp trí đoạn-duyên kiến khổ đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên kiến khổ đoạn.

Các căn là nhân khổ pháp trí đoạn-duyên kiến tập đoạn, nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn-duyên kiến tập đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên kiến tập đoạn.

Các căn là nhân khổ pháp trí đoạn-duyên kiến diệt đoạn, nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn-duyên kiến diệt đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là nhân khổ pháp trí đoạn-duyên kiến đạo đoạn, nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn-duyên kiến đạo đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên kiến đạo đoạn.

Các căn là nhân khổ pháp trí đoạn-duyên tu đoạn, nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn-duyên tu đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên tu đoạn.

Các căn là nhân khổ pháp trí đoạn-duyên không đoạn, nghĩa là căn diệt-đạo pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên không đoạn.

Các căn là nhân khổ pháp trí đoạn, không có sở duyên, nghĩa là căn không có duyên-nhân khổ pháp trí đoạn.

Hỏi: Nếu căn duyên với kiến khổ đoạn thì căn ấy là nhân khổ pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn duyên với kiến khổ đoạn thì căn ấy hoặc là nhân khổ pháp trí đoạn, hoặc nhân khổ loại trí đoạn, hoặc nhân tập pháp trí đoạn, hoặc nhân tập loại trí đoạn, hoặc nhân tu đoạn, hoặc nhân không đoạn.

Các căn là duyên kiến khổ đoạn-nhân khổ pháp trí đoạn, nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn-duyên kiến khổ đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên kiến khổ đoạn.

Các căn là duyên kiến khổ đoạn-nhân khổ loại trí đoạn, nghĩa là căn khổ loại trí đoạn-duyên kiến khổ đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ loại trí đoạn-duyên kiến khổ đoạn.

Các căn là duyên kiến khổ đoạn-nhân tập pháp trí đoạn, nghĩa là căn tập pháp trí đoạn-duyên kiến khổ đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân tập pháp trí đoạn-duyên kiến khổ đoạn.

Các căn là duyên kiến khổ đoạn-nhân tập loại trí đoạn, nghĩa là căn tập loại trí đoạn-duyên kiến khổ đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân tập loại trí đoạn-duyên kiến khổ đoạn.

Các căn là duyên kiến khổ đoạn-nhân tu đoạn, nghĩa là căn tu

đoạn-duyên kiến khổ đoạn.

Các căn là duyên kiến khổ đoạn-nhân khổ đoạn, nghĩa là căn không đoạn-duyên kiến khổ đoạn.

Hỏi: Các căn là nhân khổ loại trí đoạn thì căn ấy duyên với kiến khổ đoạn chăng?

Đáp: Các căn là nhân khổ loại trí đoạn thì căn ấy hoặc là duyên kiến khổ đoạn, hoặc duyên kiến tập đoạn, hoặc duyên kiến diệt đoạn, hoặc duyên kiến đạo đoạn, hoặc duyên tu đoạn, hoặc duyên không đoạn.

Các căn là nhân khổ loại trí đoạn-duyên kiến khổ đoạn, nghĩa là căn khổ loại trí đoạn-duyên kiến khổ đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ loại trí đoạn-duyên kiến khổ đoạn.

Các căn là nhân khổ loại trí đoạn-duyên kiến tập đoạn, nghĩa là căn khổ loại trí đoạn-duyên kiến tập đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ loại đoạn-duyên kiến tập đoạn.

Các căn là nhân khổ loại trí đoạn-duyên kiến diệt đoạn, nghĩa là căn khổ loại trí đoạn-duyên kiến diệt đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ loại trí đoạn-duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là nhân khổ loại trí đoạn-duyên kiến đạo đoạn, nghĩa là căn khổ loại trí đoạn-duyên kiến đạo-duyên kiến đạo đoạn, và căn tập-đạo loại trí đoạn-duyên kiến đạo đoạn.

Các căn là nhân khổ loại trí đoạn-duyên tu đoạn, nghĩa là căn khổ loại trí đoạn-duyên tu đoạn, và căn tập loại trí đoạn-tu đoạn có nhân khổ loại trí đoạn-duyên tu tu đoạn.

Các căn là nhân khổ loại trí đoạn-duyên không đoạn, nghĩa là căn diệt-đạo loại trí đoạn có nhân khổ loại trí đoạn-duyên không đoạn.

Hỏi: Nếu căn duyên với kiến khổ đoạn thì căn ấy là nhân khổ loại trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn duyên với kiến khổ đoạn thì căn ấy hoặc là nhân khổ loại trí đoạn, hoặc nhân khổ pháp trí đoạn, hoặc nhân tập pháp trí đoạn, hoặc nhân tập loại trí đoạn, hoặc nhân tu đoạn, hoặc nhân không đoạn.

Các căn là duyên kiến khổ đoạn-nhân khổ loại trí đoạn, nghĩa là căn khổ loại trí đoạn-duyên kiến khổ đoạn, và căn tập loại trí đoạn có nhân khổ loại trí đoạn-duyên kiến khổ đoạn.

Các căn là duyên kiến khổ đoạn-nhân khổ pháp trí đoạn, nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn-duyên kiến khổ đoạn, và căn tập pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên kiến khổ đoạn.

Các căn là duyên kiến khổ đoạn-nhân tập pháp trí đoạn, nghĩa là căn tập pháp đoạn-duyên kiến khổ đoạn, và căn khổ pháp trí đoạn có nhân tập pháp trí đoạn-duyên kiến khổ đoạn.

Các căn là duyên kiến khổ đoạn-nhân tập loại trí đoạn, nghĩa là căn tập loại trí đoạn-duyên kiến khổ đoạn, và căn khổ loại trí đoạn có nhân tập loại trí đoạn-duyên kiến khổ đoạn.

Các căn là duyên kiến khổ đoạn-nhân tu đoạn, nghĩa là căn tu đoạn, duyên kiến khổ đoạn. Các căn là duyên kiến khổ đoạn-nhân không đoạn, nghĩa là căn không đoạn-duyên kiến khổ đoạn. Như đối với khổ, đối với tập cũng như vậy.]

Hỏi: Các căn là nhân diệt pháp trí đoạn thì căn ấy duyên với kiến diệt đoạn chăng?

Đáp: Các căn là nhân diệt pháp trí đoạn thì căn ấy hoặc là duyên kiến diệt đoạn, hoặc duyên tu đoạn, hoặc duyên không đoạn, hoặc không có sở duyên.

Các căn là nhân diệt pháp trí đoạn-duyên kiến diệt đoạn, nghĩa là căn diệt pháp trí đoạn-duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là nhân diệt pháp trí đoạn-duyên tu đoạn, nghĩa là căn tu đoạn có nhân diệt pháp trí đoạn-duyên tu đoạn.

Các căn là nhân diệt pháp trí đoạn-duyên không đoạn, nghĩa là căn diệt pháp trí đoạn-duyên không đoạn.

Các căn là nhân diệt pháp trí đoạn-không có sở duyên, nghĩa là căn không có duyên-nhân diệt pháp trí đoạn.

Hỏi: Nếu căn duyên với kiến diệt đoạn thì căn ấy là nhân diệt pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn duyên với kiến diệt đoạn thì căn ấy hoặc là nhân diệt pháp trí đoạn, hoặc nhân diệt loại trí đoạn, hoặc nhân khổ pháp trí đoạn, hoặc nhân khổ loại trí đoạn, hoặc nhân tập pháp trí đoạn, hoặc nhân tập loại trí đoạn, hoặc nhân tu đoạn, hoặc nhân không đoạn.

Các căn là duyên kiến diệt đoạn-nhân diệt pháp trí đoạn, nghĩa là căn diệt pháp trí đoạn duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là duyên kiến diệt đoạn-nhân diệt loại trí đoạn, nghĩa là căn diệt do loại trí đoạn duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là duyên kiến diệt đoạn-nhân khổ pháp trí đoạn, nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn-duyên kiến diệt đoạn, và căn tập-diệt pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là duyên kiến diệt đoạn-nhân khổ loại trí đoạn, nghĩa là căn khổ loại trí đoạn duyên kiến diệt đoạn, và căn tập-diệt loại trí đoạn

lớ nhân khổ loại trí đoạn-duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là duyên kiến diệt đoạn là nhân tập pháp trí đoạn, nghĩa là căn tập pháp trí đoạn-duyên kiến diệt đoạn, và căn khổ diệt pháp trí đoạn có nhân nơi tập pháp trí đoạn-duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là duyên kiến diệt đoạn là nhân tập loại trí đoạn, nghĩa là căn tập loại trí đoạn duyên kiến diệt đoạn, và căn khổ diệt loại trí đoạn có nhân tập loại trí đoạn-duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là duyên kiến diệt đoạn - nhân tu đoạn, nghĩa là căn tu đoạn-duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là duyên kiến diệt đoạn-nhân không đoạn, nghĩa là căn không đoạn duyên kiến diệt đoạn.

Hỏi: Các căn là nhân diệt loại trí đoạn thì các căn ấy là duyên với kiến diệt đoạn chăng?

Đáp: Các căn là nhân diệt loại trí đoạn thì các căn ấy, hoặc duyên kiến diệt đoạn, hoặc duyên không đoạn.

Các căn là nhân diệt loại trí đoạn duyên kiến diệt đoạn, nghĩa là căn có nhân diệt loại trí đoạn duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là nhân diệt loại trí đoạn duyên không đoạn, nghĩa là căn do diệt loại trí đoạn-duyên không đoạn.

Hỏi: Nếu căn duyên kiến với diệt đoạn thì căn ấy là nhân của diệt loại trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn duyên với kiến diệt đoạn thì căn ấy hoặc là nhân diệt loại trí đoạn, hoặc là nhân của diệt pháp trí đoạn, hoặc là nhân của khổ pháp trí đoạn, hoặc là nhân của khổ loại trí đoạn, hoặc là nhân của tập pháp trí đoạn, hoặc là nhân của tập loại trí đoạn, hoặc nhân tu đoạn, hoặc là nhân của không đoạn.

Các căn là duyên kiến diệt đoạn là nhân của diệt loại trí đoạn, nghĩa là căn diệt loại trí đoạn-duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là duyên kiến diệt đoạn là nhân của diệt pháp trí đoạn, nghĩa là căn diệt pháp trí đoạn duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là duyên kiến diệt đoạn là nhân của khổ pháp trí đoạn, nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn-duyên kiến diệt đoạn, và căn tập-diệt pháp trí đoạn có nhân khổ pháp trí đoạn-duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là duyên kiến diệt đoạn nhân khổ loại trí đoạn, nghĩa là căn khổ loại trí đoạn-duyên kiến diệt đoạn và căn tập-diệt loại trí đoạn nhân khổ loại trí đoạn duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là duyên kiến diệt đoạn-nhân tập pháp trí đoạn, nghĩa là căn tập pháp trí đoạn-duyên kiến diệt đoạn và căn khổ diệt pháp trí

đoạn, là nhân của tập pháp trí đoạn-duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là duyên kiến diệt đoạn-nhân tập loại trí đoạn, nghĩa là căn tập loại trí đoạn-duyên kiến diệt đoạn, và căn khổ diệt loại trí đoạn có nhân tập loại trí đoạn duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là duyên kiến diệt đoạn-nhân tu đoạn, nghĩa là căn tu đoạn-duyên kiến diệt đoạn.

Các căn là duyên kiến diệt đoạn-nhân không đoạn, nghĩa là căn không đoạn-duyên kiến diệt đoạn.

Như đối với diệt; đối với đạo cũng như vậy.

